

Bản án số: 83/2018/HSST
Ngày: 20/9/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỂU- TP. ĐÀ NẴNG.

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Trần Thị Kim Cúc.**

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Nguyễn Phạm Hùng**

Bà **Huỳnh Thị Lệ**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Bình** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:* Ông **Nguyễn Hoài Bảo** - Kiểm sát viên.

Ngày 20/9/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 74/2018/HSST ngày 03/8/2018 đối với bị cáo:

Kiều Thị Kim A . Tên gọi khác: Kiều Nhã P. Sinh ngày: 25/6/1990, tại Q. Nơi ĐKNKTT: Thôn T, xã X, huyện Đ, tỉnh P. Chỗ ở: Thôn H, xã Q, huyện H, tỉnh Q. Nghề nghiệp: Không. Trình độ văn hóa: 12/12. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông: Kiều Viết T và bà Lê Thị M . Chồng: Lê S, có 04 con.

Tiền án: Tại bản án số 115/2014/HSST ngày 17/10/2014, Kiều Thị Kim A bị Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xử phạt 03 tháng tù giam về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Tiền sự: Chưa.

Bị cáo tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

*** Người bị hại:**

- Chị **Lê Thị N** – Sinh năm: 1986. Địa chỉ: Số 18 đường P, phường H, quận L, thành phố Đ. Có mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Chị **Nguyễn Thị M** – Sinh năm: 1966. Địa chỉ: Thôn B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Q. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Anh **Trương Thế M** - Sinh năm: 1987. Địa chỉ: Thôn H, xã Q, huyện H, tỉnh Q. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và qua diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chị Lê Thị N là chị em cô cậu ruột với Kiều Thị Kim A. Vì không có việc làm và không có tiền sử dụng vào mục đích cá nhân nên A nảy sinh ý định nói với chị N đưa cho mình một số tiền hứa sẽ xin việc làm giúp rồi sử dụng số tiền đó để tiêu xài cá nhân. Do vậy, khoảng giữa năm 2016, A thường xuyên liên lạc, gặp gỡ chị N và có tâm sự về việc sau khi chấp hành án xong đã nhờ một số người quen giúp đổi tên Kiều Thị Kim A thành Kiều Nhã P và tự nhận mình có khả năng xin được cho chị N vào làm việc tại Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Kiều Thị Kim A cũng đưa ra thông tin mình đã làm việc tại đây được một thời gian và đăng lên mạng xã hội Facebook bằng tài khoản có tên “Truongtheman Truong” hình ảnh và nội dung thể hiện mình đang làm việc tại Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng (thực tế Kim A không có làm việc tại Tòa án Hải Châu, mục đích đăng hình ảnh và nội dung như vậy để người khác tin tưởng rằng A có việc làm ổn định).

Khoảng tháng 11/2016, Kiều Thị Kim A nói với chị N: “Chị có con nhỏ lại không có việc làm, em có người quen làm lớn, chị đưa tiền cho em để em xin cho chị vô làm tại Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng”. Những ngày sau, A tiếp tục gọi điện thoại cho chị N nói: “chị chuẩn bị tiền với hồ sơ đưa em xin việc giúp chị, nhanh nhanh chứ người khác xin vào làm mất”. Tin lời A nói là thật, chị N đồng ý và chuẩn bị đủ số tiền theo yêu cầu của A. Vào khoảng cuối năm 2016, tại trước Bến xe trung tâm thành phố Đà Nẵng thuộc địa bàn quận Liên Chiểu, chị N đã giao trực tiếp 20.000.000 đồng và một bộ hồ sơ xin việc cho A. Một thời gian sau, A gọi điện thoại cho chị N nói rằng số tiền 20.000.000 đồng không đủ để xin việc và cần thêm 22.000.000 nữa. Tin lời A, cũng vào thời điểm cuối năm 2016, chị N chuẩn bị đủ tiền và giao trực tiếp cho A 22.000.000 đồng cũng tại trước Bến xe trung tâm thành phố Đà Nẵng. Khoảng tháng 02/2017, Kiều Thị Kim A tiếp tục gọi điện thoại nói chị N đưa thêm tiền để lo các thủ tục xin việc, chị N hẹn A đến nhà một người bạn tên Trương Thị H, trú tại K5/48/21 đường C, quận T, TP. Đ và giao trực tiếp số tiền 15.000.000 đồng cho A. Như vậy, tổng số tiền mà chị N đã qua 03 lần giao trực tiếp cho A tại các địa điểm nêu trên để A xin việc làm vào Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng là 57.000.000 đồng. Nhận tiền xong, A nói với chị N: “Chị cứ yên tâm, đến cuối tháng 3/2017 chị sẽ có việc làm”. Tuy nhiên, đến cuối tháng 3/2017, A tiếp tục hẹn chị N đến tháng 4/2017 mới có quyết định đi làm. Nghĩ mình bị lừa nên chị N tới phòng trọ của A tại K39/27 đường V, phường P, quận S, thành phố Đ để đòi lại tiền. Tại đây, A thừa nhận không xin được việc làm cho chị N như lời hứa mà đã sử dụng số tiền 57.000.000 đồng vào mục đích tiêu xài cá nhân hết. Sau đó, chị N đòi tiền nhưng A nói không có tài sản gì, chị N thấy trên người A có đeo trang sức nên nói với A, thì A nói “số trang sức này không có giá trị chị lấy làm gì”, sau đó A đưa cho chị N số trang sức trên và hứa sẽ trả lại đủ số tiền

đã nhận. Chị N nhận số trang sức trên ra về. Khi kiểm tra, phát hiện số trang sức này không có giá trị nên vào ngày 28/3/2017, mẹ ruột của chị N là bà Nguyễn Thị M, trú thôn B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Q đã mang số nữ trang trên đến trả lại cho Kim A tại phòng trọ K39/27 đường V, phường P, quận S. Sau đó, A viết một giấy hẹn đến ngày 12/4/2017 sẽ hoàn trả lại đủ tiền cho chị N nhưng đến nay vẫn chưa thực hiện. Ngày 18/12/2017, chị N đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Liên Chiểu trình báo về vụ việc nói trên. Quá trình điều tra, Kiều Thị Kim A đã khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Ngày 06/3/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra ra Quyết định trưng cầu giám định số: 15/CSĐT trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự (PC54) Công an thành phố Đà Nẵng giám định mẫu chữ viết trên giấy hẹn hoàn trả lại tiền viết ngày 28/3/2017 do bị hại N cung cấp và mẫu chữ viết của Kiều Thị Kim A trong các tài liệu Cơ quan Cảnh sát điều tra thu thập được có phải do cùng một người viết ra hay không.

Tại kết luận giám định số: 34/GĐ-TL ngày 15/3/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự (PC54) Công an TP. Đà Nẵng kết luận: Chữ viết mang tên Kiều Nhã P trên giấy hẹn hoàn trả lại tiền nêu trên so với chữ viết của Kiều Thị Kim A trong các tài liệu Cơ quan Cảnh sát điều tra thu thập được do cùng một người viết ra.

*** Vật chứng tạm giữ:**

- 01 bản chính giấy hẹn hoàn trả lại tiền viết vào ngày 28/3/2017;
- 28 hình ảnh chụp lại nội dung tài khoản “Truongtheman Truong” đăng tải lên mạng xã hội Facebook;
- 39 hình ảnh chụp lại nội dung tin nhắn trao đổi giữa Kiều Thị Kim A và Lê Thị N;
- 01 hình ảnh chụp lại nội dung tin nhắn trao đổi giữa Trương Thế M và Lê Thị N.

Về dân sự: Người bị hại Lê Thị N yêu cầu bị cáo Kiều Thị Kim A phải trả lại đủ số tiền bị chiếm đoạt là 57.000.000 đồng, tuy nhiên đến nay Kiều Thị Kim A vẫn chưa thực hiện.

Tại bản cáo trạng số 74/CT-VKS ngày 02/8/2018 bị cáo Kiều Thị Kim A bị Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng truy tố về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c, khoản 2 Điều 174 của BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng giữ nguyên cáo trạng đã truy tố và căn cứ vào tính chất, mức độ, nhân thân của bị cáo Kiều Thị Kim A, đề nghị HĐXX:

- Căn cứ điểm c, khoản 2 Điều 174 BLHS, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt: Kiều Thị Kim A từ 30 tháng đến 36 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Về phần dân sự: Người bị hại Lê Thị N yêu cầu bị cáo Kiều Thị Kim A phải trả lại đủ số tiền bị chiếm đoạt là 57.000.000 đồng. Yêu cầu của chị Lê Thị N là phù hợp, nên đề nghị HĐXX chấp nhận.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị giải quyết về xử lý vật chứng như đã đề cập tại bản cáo trạng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Kiều Thị Kim A đã khai báo thành khẩn hành vi phạm tội của mình. Bị cáo Anh cho rằng cáo trạng truy tố bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c, khoản 2 Điều 174 BLHS là đúng người, đúng tội. Bị cáo đã thấy được sai trái, xin xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến khiếu nại gì. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Xét lời khai nhận tội của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa phù hợp với tang vật chứng đã thu giữ, cũng như các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có tại hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định:

Do có mục đích chiếm đoạt tài sản để tiêu xài cá nhân nên từ cuối năm 2016 đến đầu năm 2017, Kiều Thị Kim A đã đưa ra thông tin sai sự thật là mình có khả năng xin việc làm cho chị Lê Thị N vào làm việc tại Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng làm cho chị N tin tưởng và nhiều lần giao tiền cho Kiều Thị Kim A tại địa bàn quận Liên Chiểu và quận Thanh Khê với tổng số tiền bị chiếm đoạt là 57.000.000 đồng.

[3] Xét tính chất nghiêm trọng của vụ án, mức độ phạm tội và nhân thân của bị cáo thì thấy:

Giữa Kiều Thị Kim A và chị Lê Thị N là chị em cô cậu ruột, Kiều Thị Kim A đã nói dối với chị N đưa cho A một số tiền hứa sẽ xin việc làm giúp tại Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng rồi lấy số tiền đó tiêu xài cá nhân. Tài sản mà Kiều Thị Kim A đã chiếm đoạt của chị Lê Thị N trị giá 57.000.000 đồng. Hành vi của bị cáo Kiều Thị Kim A không những trực tiếp xâm phạm tài sản của người khác mà còn gây mất trật tự trị an xã hội, đã phạm vào điểm c khoản 2 điều 174 BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Nhân thân bị cáo Anh có 01 tiền án về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Lần phạm tội này thuộc trường hợp “Tái phạm” theo điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS nên cần phải xử phạt với mức án nghiêm khắc mới có đủ tác dụng giáo dục riêng và ngăn ngừa chung.

[4] Tuy nhiên khi lượng hình cũng cần xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như: Thái độ khai báo thành khẩn, con còn nhỏ để giảm cho bị cáo một phần hình phạt theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

[5] **Về trách nhiệm dân sự:** Người bị hại Lê Thị N yêu cầu bị cáo Kiều Thị Kim A phải trả lại đủ số tiền bị chiếm đoạt là 57.000.000 đồng. Yêu cầu của chị Lê Thị N là có cơ sở, nên đề nghị HĐXX chấp nhận.

[6] **Về xử lý vật chứng:** Sau khi vụ án được phát hiện, cơ quan điều tra đã thu giữ:

- 01 bản chính giấy hẹn hoàn trả lại tiền viết vào ngày 28/3/2017; 28 hình ảnh chụp lại nội dung tài khoản “Truongtheman Truong” đăng tải lên mạng xã hội Facebook; 39 hình ảnh chụp lại nội dung tin nhắn trao đổi giữa Kiều Thị Kim A và Lê Thị N; 01 hình ảnh chụp lại nội dung tin nhắn trao đổi giữa Trương Thế M và Lê Thị N hiện có tại hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử tiếp tục lưu giữ tại hồ sơ vụ án.

[7] **Về án phí:** Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bị cáo Kiều Thị Kim A phải chịu 200.000 đồng án phí HS-ST và 2.850.000 đồng án phí DS-ST.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố:

Bị cáo Kiều Thị Kim A phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ vào điểm c, khoản 2 Điều 174, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt:

- **Kiều Thị Kim A (Kiều Nhã P) 30 (Ba mươi)** tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584 BLDS.

Buộc bị cáo Kiều Thị Kim A phải bồi thường cho chị Lê Thị N số tiền 57.000.000 đồng (Năm mươi bảy triệu đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu mà người phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điều 47 BLHS năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, điều 106 BLTTHS năm 2015.

Tiếp tục lưu giữ tại hồ sơ vụ án 01 bản chính giấy hẹn hoàn trả lại tiền viết vào ngày 28/3/2017; 28 hình ảnh chụp lại nội dung tài khoản “Truongtheman Truong” đăng tải lên mạng xã hội Facebook; 39 hình ảnh chụp lại nội dung tin nhắn trao đổi

giữa Kiều Thị Kim A và Lê Thị N; 01 hình ảnh chụp lại nội dung tin nhắn trao đổi giữa Trương Thế M và Lê Thị N.

4. Về án phí: Bị cáo Kiều Thị Kim A phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn) án phí HS-ST và 2.850.000 đồng (Hai triệu tám trăm năm mươi ngàn đồng) án phí DS-ST.

5. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, báo cho bị cáo, người bị hại biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án tại địa phương nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện KSND quận Liên Chiểu;
- Viện KSND Thành phố Đà Nẵng;
- Chi cục T.H.A DS Q.Liên Chiểu;
- Công an quận Liên Chiểu;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Kim Cúc